

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC LINH
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 81/2024/HNGĐ-ST

Ngày 23-7-2024

V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Mỹ Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lưu Trọng Kim

2. Bà Đinh Thị Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hải Lĩnh - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2024, tại Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 100/2024/TLST – HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2024 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 153/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 108/2024/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1970; Nơi cư trú: Số nhà B đường số B, tổ S, thôn M, xã M, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

- Bị đơn: Bà Trần Thị H, sinh năm 1975; Nơi cư trú: Số nhà B đường số B, tổ S, thôn M, xã M, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận..

Ông Th có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bà H vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 04/02/2024, đơn khởi kiện bổ sung ngày 23/5/2024 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Văn Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Th và bà Trần Thị H tìm hiểu nhau trong thời gian khoảng hơn 06 tháng thì tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn vào năm 2000 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 63 quyển số 01/2000 ngày 23/10/2000.

Sau khi kết hôn ông bà sống tại nhà riêng tại số nhà B đường số B, tổ S, thôn M, xã M, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận. Trong thời gian là vợ chồng, bà H đi xuất khẩu lao động 02 lần, 01 lần 02 năm, 01 lần 10 năm, nên thời gian chung sống với nhau không nhiều. Giữa năm 2023, bà H về Việt Nam và chung sống với cha con ông Th cho đến nay. Từ khi về, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Ban đầu là những mâu thuẫn nhỏ trong cuộc sống, từ sau tết, bà H thường xuyên gây sự, cãi vã với ông Th, vì nóng giận nên bà H có cầm dao dọa chém ông Th. Ngoài ra, bà H còn cờ bạc, cấm đoán không cho con đi học và lên trường con đang học để gây sự. Ông Th không thể chịu đựng được cuộc sống vợ chồng như vậy nên vợ chồng đã ly thân hơn 01 tháng nay, không còn quan tâm nhau và không cùng nhau chăm sóc con chung.

Nay, ông Th xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông Th yêu cầu ly hôn được ly hôn với bà Trần Thị H.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Chí C, sinh ngày 20/7/2001 và Nguyễn Chí C1, sinh ngày 18/8/2008. Trong đơn khởi kiện, ông Th không yêu cầu giải quyết về con chung, tại bản tự khai và đơn khởi kiện bổ sung ngày 23/5/2024, ông Th yêu cầu giải quyết về con chung như sau: Sau khi ly hôn, ông Th là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Chí C1, không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con. Đối với con Nguyễn Chí C đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại bản tự khai ngày 11/4/2024, bị đơn bà Trần Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông Nguyễn Văn Th tìm hiểu nhau trong thời gian khoảng hơn 02 tháng thì tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn vào năm 2000 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 63 quyền số 01/2000 ngày 23/10/2000.

Sau khi kết hôn, ông bà sống tại nhà riêng tại số nhà B đường số B, tổ S, thôn M, xã M, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận. Trong thời gian là vợ chồng, cha mẹ chồng và ông Th đánh đập, chửi bới bà H nên bà phải dẫn con về nhà mẹ ruột ở. Năm 2004, bà H đi xuất khẩu lao động, để con cho mẹ ruột chăm sóc. Tiền bà H kiếm được gửi về cho mẹ bà trả nợ tiền vay lúc cho bà đi xuất khẩu lao động, một phần để nuôi mẹ và con bà. Đến năm 2006, bà H về lại nhà mẹ ruột. Tiền để dành được 100.000.000 đồng. Lúc đó bà H nghĩ thương con nên bà quay lại với ông Th. Bà H đưa cho mẹ ruột 30.000.000 đồng, còn 70.000.000 đồng thì mang vào mua cho ông Th 01 dàn máy cưa để ông Th làm ăn, nhưng ông Th không mang lại thu nhập cho gia đình mà như làm giùm cho người khác, không có tiền lời mà chỉ lỗ. Bà H có nói ông Th thì gây ra mâu thuẫn giữa vợ chồng. Số tiền còn lại bà H mua heo về nuôi nhưng bị dịch nên không thu được lời mà còn bị nợ tiền. Năm 2012, bà H đi xuất khẩu lao động lần nữa để có tiền trả nợ và lo cho gia đình. Ông Th ở nhà làm ruộng và lo cho con. Đến năm 2020, ông Th làm nghề tự do không có thu nhập ổn định nên mọi chi phí trong gia đình 01 mình bà H gánh vác. Tháng 6/2023, bà H về nhà ở, hai vợ chồng đều không có công việc ổn định, có để dành được 100.000.000 đồng, bà H mang cho vay 50.000.000 đồng để kiếm tiền lo cho gia

đình, còn 50.000.000 đồng ông Th nói bà H trả nợ ngân hàng. Tháng 02/2024, bà H mổ u nang buồng trứng nhưng khi về nhà, chồng và con không quan tâm chăm sóc bà. Bà H cảm thấy rất bức xúc vì bà đã hi sinh cho gia đình rất nhiều nhưng không được chồng con tôn trọng và yêu thương.

Trước khi đi mổ, bà H có đến trường để nói con về gặp nhưng con hứa mà không về, thêm nữa trong cuộc sống con bà hỗn hào, không quan tâm bà nên bà rất buồn và đến trường để trình bày là con đi học mà không có đạo đức thì không cần đi học nữa.

Hiện nay, ông Th và con đã ra ngoài sống, không ở cùng bà H, vợ chồng ly thân được hơn 01 tháng.

Nay, bà H yêu cầu ông Nguyễn Văn Th phải chia tài sản chung của vợ chồng cho bà thì bà mới đồng ý ly hôn với ông Th.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Chí C, sinh ngày 20/7/2001 và Nguyễn Chí C1, sinh ngày 18/8/2008. Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Ngày 26/4/2024, Tòa án xác minh tình trạng hôn nhân, mâu thuẫn vợ chồng trong quá trình chung sống giữa ông Nguyễn Văn Th và bà Trần Thị H tại địa phương và được cung cấp: Ông Th và bà H là vợ chồng, có hộ khẩu thường trú tại địa chỉ số nhà B đường số B, tổ S, thôn M, xã M, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận. Địa phương không nhận được yêu cầu hòa giải nào của ông bà. Tuy nhiên, địa phương có biết được thông tin, ông Th, bà H có mâu thuẫn về kinh tế và tính cách, trước đây, bà H có đi xuất khẩu lao động, sau này về làm nông là chủ yếu, việc bà H cho vay tiền, đánh bạc thì địa phương không rõ. Ông Th, bà H từng xảy ra mâu thuẫn xô xát, đánh đập, thôn trưởng có đến để giải quyết nhưng bà H không hợp tác. Mâu thuẫn của ông Th, bà H trầm trọng khoảng 06 tháng nay.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã được thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn không chấp hành theo quy định tại Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào Điều 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định.

+ Về nội dung vụ án: Thấy rằng năm 2000, ông Th, bà H kết hôn có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận, do đó hôn nhân là hợp pháp. Mâu thuẫn giữa vợ chồng ông Th, bà H đã trầm trọng thể hiện ở việc vợ chồng đã không còn tình cảm, có nhiều mâu thuẫn trong cuộc sống, ông bà đã

không còn sống chung từ nhiều tháng nay, nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Chí C, sinh ngày 20/7/2001 và Nguyễn Chí C1, sinh ngày 18/8/2008; ông Th yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Chí C1, không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con, con Nguyễn Chí C đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; nguyện vọng của con Nguyễn Chí C1 cũng mong muốn được sống cùng ông Th, thực tế hiện nay cháu Cương cũng đang sống cùng ông Th, vì vậy, cần giao con chung là cháu Cương cho ông Th trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận việc ông Th tự nguyện không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên không giải quyết là có cơ sở.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa vào các ngày 03/7/2024 và ngày 23/7/2024 nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ Điều 227, 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn Th và bà Trần Thị H tìm hiểu nhau 01 khoảng thời gian thì tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận và đã được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 63 quyền số 01/2000 ngày 23 tháng 10 năm 2000, nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp.

[3] Mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc; để đạt được mục đích đó vợ chồng phải chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ, tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt. Căn cứ vào lời khai của ông Th, bà H, cuộc sống vợ chồng đã có nhiều mâu thuẫn, đỉnh điểm là thời gian từ sau năm 2023, khi bà H đi xuất khẩu lao động về. Vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc nhau mà thường xuyên cãi vã, không có tiếng nói chung. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 3/2024 cho đến nay, không cùng nhau chăm sóc con chung. Từ đó có cơ sở khẳng định tình cảm vợ chồng giữa ông Th và bà H đã thật sự rạn nứt, đời sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Th đối với bà H là có căn cứ và đúng pháp luật.

[4] Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Chí C, sinh ngày 20/7/2001 và Nguyễn Chí C1, sinh ngày 18/8/2008. Xét thấy, khi giải quyết ly hôn, việc giao con cho cha hay mẹ nuôi thì phải đảm bảo được sự phát triển toàn diện về mọi mặt cho đứa trẻ. Hiện nay cháu Nguyễn Chí C1 đang sống cùng ông Th. Theo nguyện vọng của cháu Nguyễn Chí C1, khi cha mẹ ly hôn cháu muốn sống cùng với ông Th. Con chung Nguyễn Chí C đã thành niên nên ông Th không yêu cầu Tòa án giải quyết là có căn cứ. Nhận thấy, yêu cầu của ông Th về việc được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Chí C1 là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của ông Th không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện về tranh chấp ly hôn, nuôi con của ông Nguyễn Văn Th đối với bà Trần Thị H. Chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn Th phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35, 39, 144, 147, 227, 228, 238, 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ các Điều 8, 9, Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Th đối với bà Trần Thị H về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn Th được ly hôn với bà Trần Thị H.

1.2. Về con chung: Giao cho ông Nguyễn Văn Th được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Nguyễn Chí C1, sinh ngày 18/8/2008.

Sau ly hôn, ông Nguyễn Văn Th và bà Trần Thị H đều có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, không ai có quyền cản trở ông, bà thực hiện quyền này. Trường hợp bà H lạm dụng việc đi lại, thăm nom con gây ảnh hưởng xấu đến việc ông Th nuôi con thì ông Th có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Vì lợi ích về mọi mặt của con khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Văn Th không yêu cầu bà Trần Thị H cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Văn Th phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004301 ngày 21/3/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận. Ông Nguyễn Văn Th đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND huyện Đức Linh;
- Chi cục THADS huyện Đức Linh;
- UBND xã M, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phan Thị Mỹ Dung